

Bản án số: 327/2025/DS-PT
Ngày 20 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

Địa chỉ: xã S, huyện C, tỉnh K. Nay là: , xã C, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Chuang Jie C, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty: Ông Hứa Thanh L, chức vụ: Trưởng khu vực kinh doanh địa bàn tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Diệp Mỹ T, sinh năm 1970 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096170007402; Cấp ngày: 14/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C. Nay là: Ấp B, xã Đ, tỉnh C

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096070012336 Cấp ngày: 02/10/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C. Nay là: Ấp B, xã Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Bà Diệp Mỹ T, là bị đơn; ông Nguyễn Văn C1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông *Hứa Thanh L* trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q (gọi tắt là Công ty Q) và bà Diệp Mỹ T đã ký hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/LT/CMA-57 vào ngày 26/4/2022 và Phụ lục II: Thỏa thuận hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản ngày 19/4/2023. Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thì Đại lý có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Công ty trước khi nhận hàng. Trong trường hợp chuyển khoản thì Đại lý phải ủy nhiệm chi cho Công ty. Sau khi Công ty nhận được ủy nhiệm chi và khi Ngân hàng báo có số tiền vào tài khoản, Công ty sẽ thực hiện thủ tục xuất hàng cho Đại lý.

Vào các tháng cao điểm của vụ nuôi, Công ty đồng ý cho Đại lý nhận hàng trước và thanh toán trả sau trong phạm vi hạn mức tín dụng được xác định trong Thư bảo lãnh thanh toán không hủy ngang và vô điều kiện do một ngân hàng hợp pháp (Công ty C2) phát hành bảo lãnh thanh toán thay cho Đại lý, bằng bản chính cho Công ty với thời hạn trả chậm không quá 75 ngày kể từ ngày nhận hàng theo lịch (xác định theo ngày dương lịch không phải ngày làm việc và bao gồm cả các ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ tết). Có nghĩa là một lô hàng Đại lý nhận hàng từ Công ty, Đại lý có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng đó cho Công ty trong vòng 75 ngày, nếu quá thời hạn 75 ngày mà Đại lý chưa hoàn tất thanh toán thì xem như vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng.

Theo điều khoản trên, sau khi đại lý nhận hàng thì 75 ngày sau phải thanh toán cho Công ty theo giá trị lô hàng đã nhận để thực hiện đúng giao kết giữa hai bên nhưng Đại lý đã không thực hiện. Công ty đã nhiều lần làm việc với Đại lý để tìm phương án xử lý số nợ quá hạn nhưng vẫn chưa nhận được khoản thanh toán nào cho khoản nợ còn tồn đọng.

Tại Biên bản đối chiếu xác nhận nợ ngày 01/4/2024, đến hết ngày 31/3/2024 Đại lý còn nợ Công ty số tiền 1.339.785.600 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, Đại lý chỉ thanh toán cho Công ty được 648.945.200 đồng. Phần công nợ của đại lý còn lại đến nay là 690.840.400 đồng, đã quá hạn vượt ngày thanh toán từ 448 đến 523 ngày. Sự chậm trễ trong việc thanh toán này của Đại lý đã gây thiệt hại rất lớn cho phía Công ty.

Nay Công ty Q yêu cầu bà Diệp Mỹ T cùng với ông Nguyễn Văn C1 trả cho Công ty Q số tiền 690.840.400 đồng.

- *Đối với bà Diệp Mỹ T*:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, nhưng bà T không cung cấp cho Tòa

án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q và cũng không tham gia hòa giải và xét xử.

- Theo ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Khoản nợ mà Công ty Q khởi kiện là nợ chung của vợ chồng ông, bà T chỉ đại diện ký hợp đồng với Công ty Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.

Buộc bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q 690.840.400 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/6/2025, Bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc ông, bà trả cho Công ty L1 số tiền 350.000.000 đồng (sau khi đã trừ chiết khấu).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà T, ông C1 không có ý kiến tranh luận.

Ông L không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 26/4/2022, giữa Công ty TNHH Q (Công ty Q) với và Diệp Mỹ T có thỏa thuận ký kết hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản (Số hợp đồng: HĐPP/LT/CMA-57), theo hợp đồng thỏa thuận bà Tiên đồng Ý làm nhà phân phối cho bên Công ty Q để phân phối thức ăn tôm do Công ty Q sản xuất.

[2] Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 01/4/2024 giữa Công ty Q với bà T có lập biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, cụ thể: Tính đến ngày 31/3/2024 bà T còn nợ Công ty Q tổng số tiền là 1.339.785.600 đồng, bà T có ký tên biên bản. Phía Công ty Q cho rằng sau khi đối chiếu công nợ, bà T có thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 648.945.200 đồng, còn nợ lại số tiền 690.840.400 đồng đến nay chưa thanh toán; Do đó, Công ty Q khởi kiện yêu cầu bà T và ông C1 phải thanh toán cho Công ty Q số tiền còn nợ là 690.840.400 đồng.

[3] Tại phiên tòa, bà T và ông C1 thừa nhận các nội dung như đã nêu trên;

tuy nhiên, bà T và ông C1 yêu cầu đối trừ khoản tiền chiết khấu, còn lại chỉ đồng ý trả cho Công ty Q số tiền là 350.000.000 đồng.

[4] Xét thấy, tại hợp đồng các bên ký kết không thể hiện cụ thể về việc chiết khấu, nhưng tại phiên toà đại diện Công ty Q cũng thừa nhận có thoả thuận đối trừ chiết khấu cho bà T, nhưng cho rằng khoản chiết khấu đã được khấu trừ chiết khấu trực tiếp trên các hoá đơn. Qua xem xét Bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 01/4/2024, bà T đã thừa nhận và ký xác nhận công nợ là 1.339.785.600 đồng, bà T cũng không đề cập đến việc đối trừ khoản tiền được chiết khấu. Đồng thời, tại các bảng kê chi tiết công nợ và hoá đơn do Công ty Q cung cấp có tại hồ sơ cũng thể hiện có việc đối trừ chiết khấu. Như vậy, có cơ sở xác định khoản chiết khấu đã được chiết khấu trực tiếp trên hoá đơn như đại diện Công ty Q trình bày, số tiền được đối chiếu xác nhận công nợ là số tiền bà T còn nợ phải thanh toán cho Công ty Q, nên việc bà T và ông C1 đặt ra yêu cầu đối trừ chiết khấu là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông C1 phải thanh toán cho Công ty Q số tiền 690.840.400 đồng là có căn cứ.

[5] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T và ông C1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Nay là Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q.

Buộc bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q số tiền 690.840.400 đồng.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bà T và ông C1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 31.634.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q không phải chịu án phí. Ngày 31/3/2025 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q đã dự nộp 17.268.000 đồng theo biên lai thu số 0002905 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Diệp Mỹ T và ông Nguyễn Văn C1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/6/2025 bà T và ông C1 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001334, 0001335 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập